

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 287/ 2017/DS-ST

Ngày: 05/9/2017

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phú Nhuận
2. Bà Nguyễn Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Trúc Ly – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 05 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, địa chỉ số 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 429/2016/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2016 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2017/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 91/2017/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A

Địa chỉ trụ sở chính: số 198 đường B, Phường C, quận D, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Trần Phát H , sinh năm: 1976 (có mặt)

Địa chỉ: số 5 Công trường ML, phường 1, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền số 173/UQ-HCM.TH ngày 12/7/2016)

- Bị đơn: Bà Lê Đình Hoàn T, sinh năm: 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 282/31/5 Đường T, Phường 4, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện do Ngân hàng Thương mại cổ phần A gửi đến Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 06/7/2016 cùng các lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ do khai trình thì nội dung vụ án như sau:

Ngày 12/4/2013 Ngân hàng Thương mại cổ phần A đã phát hành thẻ tín dụng Amex Card số A38540 theo thỏa thuận giữa bà Lê Đình Hoàn T và Ngân hàng Thương mại cổ phần A. Hạn mức tín dụng được cấp cho bà T là 10.000.000 đồng, thời hạn sử dụng thẻ là 02 năm tính từ ngày 12/4/2013. Lãi suất phát sinh trên số dư nợ là 15%/năm và lãi suất thay đổi tùy theo quy định của Ngân hàng. Cụ thể từ tháng 01/2014 đến tháng 7/2015, lãi

suất là 20%/năm. Từ tháng 8/2015 đến ngày 02/4/2017 lãi suất là 17%/năm. Và từ ngày 03/4/2017 cho đến nay lãi suất cho vay là 18%/ năm.

Sau khi được phát hành, bà T đã sử dụng thẻ để chi tiêu cá nhân và không thanh toán đúng hạn dù Ngân hàng Thương mại cổ phần A đã thông báo nhắc nhở nhiều lần. Tính đến ngày 28/12/2015, số dư nợ gốc là 9.476.008 đồng. Tính đến ngày 05/9/2017, tiền lãi của số dư nợ nêu trên là 6.154.800 đồng. Tiền phí phạt chậm thanh toán là 20.810.361 đồng. Tổng cộng bà T còn nợ là 36.441.169 đồng. Nay nguyên đơn Ngân hàng Thương mại A yêu cầu bà T trả toàn bộ số nợ trên tổng cộng là 36.441.169 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh tính từ ngày 06/9/2017 trên số dư nợ gốc 9.476.008 đồng cho đến khi bà T thanh toán xong hết các khoản tiền nêu trên theo mức lãi là 18%/năm.

Bị đơn bà Lê Đình Hoàn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Toà để tham gia tố tụng, cũng như đã được tổng đạt giấy triệu tập Toà án nhân dân Quận 10 mở phiên tòa xét xử, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Theo kết quả trả lời yêu cầu xác minh từ Ngân hàng Thương mại cổ phần A của Công an Phường 4, Quận 10 thì Bà T hiện có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 282/31/5 Đường T, Phường 4, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi hoãn phiên tòa lần 1, và Tòa án đã tổng đạt xét xử lần thứ 2 đối với bị đơn hợp lệ, nhưng bà T vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Việc khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A đòi lại số tiền cấp thẻ tín dụng cùng các khoản tiền lãi, phí phạt đối với bị đơn bà T là quan hệ pháp luật dân sự về hợp đồng tín dụng vay tài sản. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét giấy uỷ quyền số 173/UQ-HCM.TH ngày 21/6/2016 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A của bà Trương Thị Thúy N là đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng uỷ quyền cho ông Trần Phát H là hợp lệ nên căn cứ Điều 137; khoản 1 Điều 138 Bộ Luật Dân Sự 2015 về đại diện theo pháp luật và đại diện theo uỷ quyền, Hội đồng xét xử chấp nhận việc đại diện cho nguyên đơn của ông Trần Phát H.

Xét bị đơn bà Lê Đình Hoàn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, mà vẫn vắng mặt được coi là từ bỏ quyền trình bày ý kiến trước Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đòi bị đơn bà Lê Đình Hoàn T phải trả lại số tiền vay trong trong thoả thuận tín dụng là 36.441.169 đồng với thẻ tín dụng cá nhân American express A38540. Theo phiếu yêu cầu phát hành thẻ mà bà Lê Đình Hoàn T đã ký kết yêu cầu phát hành thẻ ngày 12/4/2013, đã có cơ sở kết luận rằng hai bên đã thoả thuận để ngân hàng cấp hạn mức tín dụng cho khách hàng và hạn mức được cấp để bà Thu rút tiền là 10.000.000 đồng.

Thời hạn sử dụng thẻ hai năm từ 2013-2015. Theo Ngân hàng trình bày sau khi nhận thẻ bà Thu đã rút tiền và sử dụng dịch vụ của thẻ với số tiền dư nợ là 9.476.008 đồng vào tháng 12/2015 thì ngưng việc trả tiền nợ gốc cũng như lãi cho ngân hàng.

Căn cứ quy định các điều khoản và điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân Hàng Thương mại cổ phần A tại điều 11.2 phần biểu phí phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế mà khi yêu cầu phát hành, Ngân hàng có cho khách hàng tham khảo trước khi quyết định yêu cầu phát hành thẻ. Tại mục 4, 5, 6 quy định về phí vượt hạn mức, lãi suất cho vay và phí chậm thanh toán. Do bà T không đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử coi như bà T từ bỏ quyền cung cấp chứng cứ cũng như đặt yêu cầu phản bác với yêu cầu của nguyên đơn. Dựa trên các chứng cứ do Ngân hàng sao kê đã cho thấy dư nợ tăng dần từ thời điểm bà T chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ tháng 12/2015 cho đến nay.

Về vốn gốc: Tính đến ngày xét xử 05/9/2017: số dư nợ gốc là 9.476.008 đồng. Tiền lãi của số dư nợ nêu trên là 6.154.800 đồng. Về tiền lãi phát sinh hàng tháng theo mức lãi thay đổi theo từng thời kỳ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì “tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu về tiền lãi, mức phí phạt và phí chậm thanh toán theo thỏa thuận trong quy chế phát hành sử dụng thẻ thanh toán quốc tế. Căn cứ bảng chiết tính theo bút lục số 88 đến bút lục số 93 của Ngân hàng thì mức phí phạt 3% cho 01 kỳ dư nợ đến hạn thanh toán, nhưng chưa thanh toán, được áp dụng vào ngày 21 hàng tháng. Tiền phí phạt chậm thanh toán là 20.810.361 đồng. Tổng cộng là 36.441.169 đồng.

Tiền lãi tiếp tục phát sinh tính từ ngày 06/9/2017 trên số dư nợ gốc 9.476.008 đồng cho đến khi bà T thanh toán xong hết các khoản tiền nêu trên theo mức lãi là 18%/năm được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Đây là vụ án có giá ngạch, bị đơn phải chịu án phí trên yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 26; 91; 147; 227 và 273 của Bộ luật Tố Tụng Dân Sự;
- Áp dụng Điều 137; khoản 1 Điều 138; khoản 5 điều 466; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân Sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 5; Điều 27 Pháp lệnh của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A

Buộc Bị đơn bà Lê Đình Hoàn T trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền là 36.441.169 đồng. Trong đó nợ gốc là 9.476.008 đồng. Tiền lãi của số dư nợ nêu trên là 6.154.800 đồng. Phí phạt chậm thanh toán là 20.810.361 đồng. Tổng cộng là 36.441.169 đồng (Ba mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi một nghìn, một trăm sáu mươi chín đồng).

Tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc 9.476.008 đồng theo mức lãi 18%/ năm tính từ ngày 06/9/2017 cho đến khi bà T thanh toán xong hết các khoản tiền nêu trên.

Án phí dân sự sơ thẩm là 1.822.058 đồng (có làm tròn số), bà Lê Đình Hoàn T chịu. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí là 483.196 đồng theo biên lai thu tiền số AE/2014/0000719 ngày 29/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Hoa